

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 328/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30/3/2018

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Thái Văn Sơn;
 2. Bà Phạm Thị Ngọc.
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Sương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi
- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thương, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1013/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc: “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bạch Thị H, sinh năm 1942
Địa chỉ: Số 33/6A Nguyễn Sỹ Sách, phường 15, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Bạch Thị H có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Ông Cao Hoàng T, sinh năm 1939

Địa chỉ: Số 185 Tỉnh lộ 8, tổ 5, ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Cao Hoàng T có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn ngày 28/8/2017 và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bạch Thị H trình bày sự việc như sau:

Bà (Bạch Thị H) và ông Cao Hoàng T sống với nhau như vợ chồng trong đơn vị - Chiến khu miền Đông Nam Bộ từ năm 1967, không có điều kiện làm giấy chứng nhận kết hôn. Đến năm 1983, ông T không chung thủy, ông T đưa người phụ nữ khác về nhà sống chung trong khi bà bệnh phải mổ tại bệnh viện. Sau đó, ông T bỏ đi khỏi nhà đến sống tại huyện B. Căn nhà cả gia đình đang ở được Bộ tư lệnh Thành phố cấp cho ông T, khi ông T bỏ đi, căn nhà cũng bị thu hồi. Bà và 04 đứa

con nhỏ không còn chỗ ở, bà phải đi xin Sở nhà đất cấp nhà để ở và đi làm nuôi con. Bà đã gửi đứa con đầu là Cao Thị Huyền L về bên nội nuôi phụ. Những năm đầu giải phóng kinh tế khó khăn, một mình bà phải nuôi 03 con nhỏ, ông T không hề chu cấp để bà nuôi con. Ông T không quan tâm đến cuộc sống mẹ con bà như thế nào, bà chận vật với cuộc sống khó khăn nên cũng không nghĩ đến việc đi đăng ký kết hôn hay làm thủ tục ly hôn vì ông T có người phụ nữ khác. Từ năm 1983, bà và ông T đã ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn sự quan tâm chăm lo cho nhau. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, ông T cũng đã có vợ khác và có con riêng, bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 04 người con chung, tên là: Cao Thị Huyền L, sinh ngày 24/6/1969; Cao Hoàng L, sinh ngày 11/9/1971; Cao Hoàng L1, sinh năm 1975 (đã chết), Cao Hoàng L2, sinh năm 1983 (đã chết). Các con chung đã thành niên và có gia đình riêng, bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2018, bị đơn ông Cao Hoàng T trình bày sự việc như sau:

Vào năm 1967, ông (Cao Hoàng T) và bà Bạch Thị H chung sống như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới trong đơn vị, không có đăng ký kết hôn. Ông và bà H chung sống được một thời gian thì chia tay vì không hợp nhau, ông về huyện Củ Chi sống. Bà H vẫn sống tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông và bà H ly thân từ khi bà H sinh đứa con út đến nay. Vợ chồng không còn tình cảm, ông đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 04 người con như bà H trình bày, các con chung đều đã thành niên, ông không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Không có. Sau khi chia tay, ông và bà H đã giải quyết xong về tài sản chung, mỗi người có cuộc sống riêng.

Về nợ chung: Không có.

Hiện nay, ông đã già yếu lại vừa bị tai nạn giao thông không thể đi lại được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt ông. Hiện ông đang sống với con gái đầu của ông và bà H là Cao Thị Huyền L.

* Đại diện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm a Khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa 10 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Bạch Thị Huệ là được ly hôn với bị đơn ông Cao Hoàng Thủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về mối quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ kiện: “Tranh chấp về ly hôn” được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, không có mặt bị đơn ông Cao Hoàng T nhưng ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Bạch Thị H về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Cao Hoàng T, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Bạch Thị H và ông Cao Hoàng T đều thừa nhận hai bên chung sống như vợ chồng từ năm 1967, không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa 10 về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 hướng dẫn áp dụng quy định tại Khoản 1 Điều 111 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000: Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Qua tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bà H tại phiên tòa, thấy rằng quá trình chung sống giữa bà H và ông T có mâu thuẫn trầm trọng, cụ thể là bà H và ông T đã ly thân từ năm 1983, cả hai không còn sống chung nhà, không còn sự quan tâm chăm sóc cho nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn với ông T. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2018, ông T cũng đồng ý ly hôn với bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H là có cơ sở.

- Về con chung:

Bà H và ông T có 04 người con chung, tên là: Cao Thị Huyền L, sinh ngày 24/6/1969; Cao Hoàng L, sinh ngày 11/9/1971; Cao Hoàng L1, sinh năm 1975 (đã chết), Cao Hoàng L2, sinh năm 1983 (đã chết). Các con chung đã thành niên và có gia đình riêng, bà H và ông T không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung:

Bà H và ông T khai không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà H và ông T khai không có nghĩa vụ dân sự chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà H phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Từ phân tích trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điểm a Khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa 10 về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Bạch Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Bạch Thị H được quyền ly hôn với ông Cao Hoàng T.

- Về con chung:

Bà H và ông T có 04 người con chung, tên là: Cao Thị Huyền L, sinh ngày 24/6/1969 (đã thành niên); Cao Hoàng L, sinh ngày 11/9/1971 (đã thành niên); Cao Hoàng L1, sinh năm 1975 (đã chết), Cao Hoàng L2, sinh năm 1983 (đã chết).

- Về tài sản chung:

Bà H và ông T khai không có tài sản chung.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà H và ông T khai không có nghĩa vụ dân sự chung.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), buộc bà H phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai số 0007278 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa (ông Cao Hoàng Thủ) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương